TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 03/2024/KDTM - ST
Ngày: 28/9/2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Văn K và bà Vũ Thị T.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị P - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024TLST-DS ngày 04/7/2024 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST – KDTM ngày 27/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-KDTM ngày 16/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-KDTM ngày 25/9/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà P - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Phương M- Giám đốc Chi nhánh.

Người được ủy quyền lại: - Ông Nghiêm Quý Q - Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Eximbank Thủ đô;

- Ông Phạm Ngọc T – Trưởng nhóm bán hàng khách hàng cá nhân - phòng khách hàng cá nhân – Eximbank Thủ đô;

Cùng địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 5 tòa nhà số 257 G, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Ông Phạm Ngọc T - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985 – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh An Thế Q, sinh năm 1981 - Vắng mặt lần thứ 3 không có lý do.

Đều có địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Trần Thị O, sinh năm 1948 - Vắng mặt lần thứ 3 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bầy:

Ngày 02/3/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X và chị Vũ Thị T đã ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LAV230014196/1702 ngày 06/3/2023.

Theo Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần X cho chị Vũ Thị T vay số tiền là 1.750.000.000 đồng (Bằng chữ: một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày 02/3/2023 đến hết ngày 01/3/2024; Lãi suất cho vay 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 02 của tháng, kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 02/4/2023, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 02/03/2024; Gốc trả cuối kỳ; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là thửa đất số: 19; tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên; diện tích: 1022,3m^2; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 1000m^2, đất trồng cây lâu năm: 22,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 016868, số vào sổ cấp GCN: CH 01550/814 do UBND huyện T, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/07/2014. Đã cập nhật biến động ngày 22/02/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai huyện T, tỉnh Hưng Yên: Tặng cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1985, CCCD số 033185000312; địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã D, tỉnh Hưng Yên, theo hồ sơ số: 001550.TA.004.

Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP X, bên thế chấp là chị Vũ Thị T đã tiến hành ký Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 01/3/2023 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Số 106, đường N, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi ký hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho chị Vũ Thị T theo khế ước nhận nợ số 1702-LDS – 230000137 số tiền 1.750.000.000đồng*(Bằng chữ: Một tỷ bẩy trăm năm mươi triệu đồng).*

Ngày 07/3/2023 theo Đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng của chị T, Ngân hàng TMCP X đã ký kết hợp đồng với chị Vũ Thị T, chị T đã được cấp Thẻ tín dụng tại Eximbank Thủ Đô với hạn mức: 48.110.600 đồng*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu một trăm mười nghìn sáu trăm đồng)*; Lãi suất: 33%/năm;Thời gian sử dụng thẻ: 36 tháng.

Đối với hợp đồng tín dụng LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023: Kể từ thời điểm giải ngân đến hết thời hạn của hợp đồng LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 chị T vẫn thanh toán đủ lãi cho ngân hàng. Đến ngày 02/3/2024, chị T đã vi phạm hợp đồng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã thông báo cho chị T và yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết;

Đối với thẻ tín dụng: Sau khi nhận hạn mức thẻ tín dụng chị T đã sử số hạn mức trên nhưng do chị T vi phạm nghĩa vụ hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng đã khóa chiều chi tiêu và yêu cầu chị T phải trả số tiền đã chi tiêu trước nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả.

Tính đến ngày 28/9/2024 dư nợ hai khoản vay trên của chị T như sau:

Theo hợp đồng LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 đến ngày 28/9/2024 chị T quá hạn là 207 ngày, trong đó nợ gốc là 1.749.999.947đồng; Lãi trong hạn:16.175.588đồng, lãi quá hạn 181.232.871 đồng. Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 930.651đ. Tổng nợ gốc và lãi là 1.948.339.057 đồng*(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bẩy đồng).*

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/3/2023, chị T vi phạm từ ngày 04/4/2024 đến ngày 28/9/2024 là 177 ngày: Nợ gốc 48.110.600 đồng, nợ lãi là 13.720.448 đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là: 61.831.048đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)*.

Tổng cộng tính đến ngày 28/9/2024 chị Vũ Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP X số tiền nợ vay và thẻ tín dụng số tiền nợ gốc và nợ lãi 2.010.170.105đồng*(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm mười triệu một trăm bẩy mươi nghìn một trăm linh năm đồng).*

Trong trường hợp chị Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai và biên bản ghi lời khai của bị đơn chị Vũ Thị T trình bầy:

- Đối với hợp đồng tín dụng dụng số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023:

Do cần vốn để kinh doanh chế biến hàng nông sản nên ngày 02/3/2023 chị có vay của Ngân hàng TMCP X theo hợp đồng là 1.750.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng);* Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày 02/3/2023 đến hết ngày 01/3/2024; Lãi suất cho vay 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 02 của tháng, kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 02/4/2023, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 02/03/2024.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 chị đã ký với Ngân hàng TMCP X Hợp đồng thế chấp ngày 01/3/2023, thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 19; tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên; diện tích: 1022,3m^2;

mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 1000m^2, đất trồng cây lâu năm: 22,3m^2 theo hồ sơ số: 001550.TA.004.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị đủ số tiền 1.750.000.000đồng*(Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)*. Chị đã dùng vốn đúng mục đích.Trong thời hạn hợp đồng vay chị vẫn thanh toán đủ tiền lãi cho ngân hàng như đã ký kết tại hợp đồng.

- Đối với thẻ tín dụng cấp ngày 07/3/2023:

Ngày 07/3/2024 chị có đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký kết giữa chị với Ngân hàng TMCP X: Hạn mức: 50.000.000 VND *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn)*; Lãi suất: 33%/năm; Thời gian sử dụng thẻ: 36 tháng.

Chị T xác định chị còn nợ Ngân hàng:

- Tiền gốc: Theo hợp đồng LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 là: 1.750.000.000đồng *(Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng);* Thẻ tín dụng: 50.000.000đồng*(Năm mươi triệu đồng);* Tổng nợ gốc: 1.800.000.000VNĐ *(Một tỷ tám trăm triệu đồng)*

- Tiền lãi: Theo quy định tại hợp đồng.

Quan điểm của chị là chị không trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Việc kinh doanh của chị gặp khó khăn nên chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho chị trả dần trong thời hạn 06 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đã niêm yết, tống đạt giấy triệu tập và các văn bản theo quy định của pháp luật cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh An Thế Q và bà Trần Thị O nhưng bà O và anh Q đều không đến Tòa án trình bầy quan điểm về nội dung liên quan đến thẻ tín dụng ngân hàng cho chị T vay.

Xác minh tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên: Bà Trần Thị O có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Bà O thường xuyên đi chơi với các con thỉnh thoảng có về nhà tại thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Xác minh tại Sư đoàn 306 Bắc Giang: Xác định không có sĩ quan hay quân nhân nào tên An Thế Q.

Xác minh tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên: Anh An Thế Q là chồng của chị Vũ Thị T có đăng ký HKTT tại thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Anh Q là bộ đội hiện công tác ở đâu thì địa phương không nắm được nhưng theo địa phương cung cấp anh An Thế Q vẫn thỉnh thoảng về gia đình tại Đội 8, thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Quá trình Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2024 đối với thửa đất chị Vũ Thị T đã thế chấp bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng thể hiện như sau: Thửa đất số: 19; tờ bản đồ số: 33, diện tích: 999,8m^2 (ít hơn 22,5m^2 so với diên tích trên giấy CNQSDĐ cấp ngày ngày 28/07/2014, đã cập nhật biến động ngày

22/02/2022). Trên đất có một ngôi nhà hai tầng diện tích 67,3m^2, 01 bếp lợp Bro xi măng, một số công trình phụ trợ, nán chăn nuôi đều đã xuống cấp cùng cây cối khác.

Tại phiên tòa ngày 16/9/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh An Thế Q và bà Trần Thị O được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 25/9/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh An Thế Q và bà Trần Thị O được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và bị đơn chị Vũ Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất và đều vắng mặt không có lý do nên HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến do vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cung cấp bảng tính nợ, tính lãi đến ngày 28/9/2024 dư nợ hai khoản vay trên của chị T như sau:

Theo hợp đồng LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023: Nợ gốc là 1.749.999.947đồng; Tiền nợ lãi là 198.399.110đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 16.175.588đồng, lãi quá hạn 181.232.871đồng. Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 930.651đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 1.948.339.057đồng*(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bẩy đồng).*

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/3/2023: Nợ gốc 48.110.600đồng, nợ lãi là 13.720.448đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là: 61.831.048đồng*(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)*.

Tổng cộng tính đến ngày 28/9/2024 chị Vũ Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc và nợ lãi 2.010.170.105đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm mười triệu một trăm bẩy mươi nghìn một trăm linh năm đồng)* và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 07/3/2023 kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ số nợ.

Trong trường hợp chị Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng đề nghị chị T phải có trách nhiệm thanh toán.

Bị đơn chị Vũ Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị O và anh An Thế Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị Vũ Thị T phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ số tiền gốc chị T còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký, lãi suất đến ngày xét xử và lãi suất phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý các tài sản mang tên chị T để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Vũ Thị T có HKTT: Đội 8, thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên trả nợ gốc, lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O và anh An Thế Q mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 16/9/2024 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16/9/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 25/9/2024. Bà O và anh Q đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST - HNGĐ ngày 25/9/2024 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/9/2024; Chị T, anh Q và bà O được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Q và bà O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn với chị Vũ Thị T.

Xét nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LAV230014196/1702 với tổng số tiền cho vay là 1.749.999.947đồng; Tiền nợ lãi là 198.339.110đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 16.175.588đồng, lãi quá hạn là: 181.232.817đồng. Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 930.651đ; Tổng nợ gốc và lãi là: 1.948.339.057đồng *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bẩy đồng)*; Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế: Tiền gốc là 48.110.600đồng, nợ lãi là 13.720.448đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là: 61.831.048đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)*.

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của hai hợp đồng chị T phải trả cho Ngân hàng TMCP X là: 2.010.170.105đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm mười triệu một trăm bảy mươi nghìn một trăm linh năm đồng).*

Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án và các tài liệu chứng cứ được thể hiện: Ngày 02/3/2023 chị Vũ Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LAV230014196/1702 với số tiền cho vay là 1.750.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng);* Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày 02/3/2023 đến hết ngày 01/3/2024; Lãi suất cho vay 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi do chậm trả lãi. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 02 của tháng, kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 02/4/2023, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 02/03/2024; Gốc trả cuối kỳ. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến nông sản, thông qua kế ước nhận nợ số 1702-LDS-23000137 với số tiền 1.750.000.000đ chuyển khoản 100% cho số tài khoản 2410205015850 tại NHNN và PTNN- Chi nhánh T, huyện T, Hưng Yên và STK 55886866886 tại NH VP Bank- CN Đ, Hà Nội ngày 02/3/2024; Ngày 06/3/2024 chị T đã ký kết hợp đồng với Ngân hàng, chị T đã được cấp Thẻ tín dụng tại Eximbank Thủ Đô với hạn mức: 48.110.600 đồng*(Bằng chữ:Bốn mươi tám triệu một trăm mười nghìn sáu trăm đồng)* là hợp đồng tín chấp Lãi suất: 33%/ năm;Thời gian sử dụng thẻ: 36 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702, chị Vũ Thị T đã sử dụng nguồn vốn vay đúng thỏa thuận và thực hiện đúng cam kết trả lãi đến 01/3/2024 còn từ ngày 02/3/2024 là thời điểm tất toàn hợp đồng chị T đã không thực hiện trả số tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng như đã cam kết. Nên từ thời điểm vi phạm đến ngày xét xử là 207 ngày; Về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng phát hành ngày 07/3/2023 chị T đã sử dụng dịch vụ thẻ đến ngày 04/4/2024 chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng đến ngày xét xử là 177 ngày. Ngân hàng đã khóa chiều chi tiêu của thẻ.

Như vậy, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành sử dụng thẻ nên trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X đề nghị HĐXX xem xét giải quyết buộc bị đơn chị Vũ Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702 và HĐ sử dụng thẻ tín dụng cả gốc và lãi, lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn chị Vũ Thị T vẫn nhận trách nhiệm trả nợ, xong vì điều kiện làm ăn khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để chị làm ăn trả dần.

HĐXX nhận thấy:

Đối với hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023: Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều tham gia ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký hợp đồng tín dụng và các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TMCP X là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội,

trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP X đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký và số tiền phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngay sau khi chị T được nhận thẻ. Chị Vũ Thị T đã nhận đủ số tiền vay. Như vậy Ngân hàng TMCP X đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Việc chị Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/9/2024 số tiền nợ gốc 1.749.999.947 đồng, lãi trong hạn 16.175.588 đồng, lãi quá hạn 181.232.871 đồng, lãi trên số lãi chậm trả: 930.651đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của HĐ tín dụng là: 1.948.339.057đồng *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bẩy đồng)*.

Đối với số tiền lãi chậm trả lãi ngân hàng buộc chị T phải trả là phù hợp với điều 11 phụ lục hợp đồng tín dụng số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 do Ngân hàng và chị T thỏa thuận và phù hợp với điểm b khoản 4 điều 13 Thông tư 39/2026/TT-NHNN ngày 30/12/2016 nên được chấp nhận.

Đối với thẻ tín dụng Quốc tế, sau khi khi phát hành thẻ chị T đã được cấp hạn mức là 48.110.600 đồng*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu một trăm mười nghín sáu trăm đồng)* là hợp đồng tín chấp Lãi suất: 33% năm;Thời gian sử dụng thẻ: 36 tháng, chị T đã sử dụng và trả lãi theo thỏa thuận, ngày 04/4/2024 chị vi phạm nên phải thanh toán trả Ngân hàng đến ngày 28/9/2024 số tiền gốc, là 48.110.600đ và tiền lãi + phí là 13.720.448đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là: 61.831.048 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)*.

Theo bản tính lãi của Ngân hàng, tính đến ngày 28/9/2024 chị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng và HĐ phát hành thẻ quốc tế là: 2.010.170.105đồng*(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm mười triệu một trăm bẩy mươi nghìn một trăm linh năm đồng)* là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về tính lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi tất toán khoản vay: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Hợp đồng tín dụng và đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng các bên đã ký. Trong quá trình giải quyết vụ án, bản thân chị T cũng nhất trí với yêu cầu này. Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chị T phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi tất toán khoản vay theo mức lãi suất đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Ngân hàng TMCP X cho chị T vay theo hình thức cho vay có tài sản bảo đảm là thửa đất số: 19; tờ bản đồ số: 33, địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên; diện tích: 1022,3m^2; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: 1000m^2, đất trồng cây lâu năm: 22,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 016868, số vào sổ cấp GCN: CH

01550/814 do UBND huyện T, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/07/2014. Đã cập nhật biến động ngày 22/02/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai huyện T, tỉnh Hưng Yên: Tặng cho chị Vũ Thị T, sinh năm 1985. Nếu chị T không thanh toán nợ ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mang tên chị T để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên, sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023 và khoản nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 07/3/2023.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật chị T không trả các khoản nợ gốc và lãi, ngân hàng TMCP X có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự thi hành theo quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền thi hành án còn thừa sẽ trả lại cho chị T; Trường hợp số tiền thu được bị thiếu thì chị Vũ Thị T phải tiếp tục trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu và phải tiếp tục chịu lãi theo quy định.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị HĐXX buộc chị T phải thanh toán tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.600.000đồng(*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).* Đây là số tiền chi phí tố tụng nên buộc chị T phải thanh toán cho ngân hàng TMCP X là phù hợp với pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí và tạm ứng chí phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 463, 466, 468, 470; 688 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

2. Buộc chị Vũ Thị T phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2024:

- Số tiền gốc là: 1.749.999.947đồng; Tiền lãi trong hạn: 16.175.588đồng; Lãi quá hạn là: 181.232.817đồng; Lãi trên số tiền lãi chậm trả: 930.651đồng; Tổng nợ gốc và lãi là: 1.948.339.057đồng *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm năm mươi bẩy đồng)* theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số LAV230014196/1702 ngày 02/3/2023.

- Số tiền gốc là: 48.110.600đồng; Tiền lãi 13.526.646đồng; Phí vượt hạn mức 72.802đồng. Tổng gốc, lãi và phí là 61.831.048đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)* theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 07/3/2023.

Tổng số tiền gốc và lãi của hai đồng buộc chị Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP X là 2.010.170.105đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ không trăm mười triệu một trăm bẩy mươi nghìn một trăm linh năm đồng).*

Kể từ ngày 29/9/2024 cho đến khi tất toán khoản vay. Chị Vũ Thị T tiếp tục phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP X trên số dư nợ chưa thanh toán theo lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng nhưng phải phù hợp với pháp luật.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp chị Vũ Thị T không thực hiện hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản mang tên bà T để thu hồi nợ là: Toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thủa đất số 19, tờ bản đồ số 33 địa chỉ thủa đất: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên có diện tích 1022,3m2 trong đó có 1000m2 đất ở và 22,3m2 đất trồng cây lâu năm, diện tích đất nhận thừa kế theo hồ sơ số 01550.TK004, đứng tên chủ sử dụng và Vũ Thị T, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận ngày 22/02/2022, theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn với quyền sử dụng đất ngày 01/3/2023, số công chứng 218 quyển số 01/2023. TP-SCC/HĐGD ngày 01/ 3/2023 tại văn phòng công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo nếu không đủ để trả các khoản nợ gốc và thanh toán toàn bộ lãi phát sinh thì chị Vũ Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi hết các khoản nợ cho ngân hàng TMCP X. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo thừa thì có trách nhiệm trả lại cho chị T.

4. Về án phí:

- Chị Vũ Thị T phải chịu 72.203.400đồng *(Bảy mươi hai triệu hai trăm linh ba nghìn bốn trăm đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.937.500đ *(Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi bẩy nghìn năm trăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0001009 ngày 04/7/2024 của Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Hưng Yên.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Chị T phải trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đã nộp là 3.600.000đồng *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).*

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Kế Vũ Thị Toan Nguyễn Minh Ngọc